TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG TÂY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/HS-ST
Ngày: 17/3/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY - TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Kiều Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mỹ Hoa.

2. Ông Trần Công Chiếu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 11/2021/TLST-HS ngày 09 tháng 02 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo:

Phan Thành H (Không có tên gọi khác), sinh năm 1982, tại tỉnh Tiền Giang.

Hộ khẩu thường trú: Ấp H, xã Đ, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang; chỗ ở: Ấp H, xã Đ, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phan Văn H1 và bà Ngô Thị T H2 (chết); Vợ: Phan Thị Bích N, con: Phan Thị Bích N1, sinh năm 2003 và Phan Thành S, sinh năm 2011; tiền án: không; tiền sự: không. Ngày 12/4/2012, bị cáo bị áp dụng đưa vào cơ sở giáo dục Bến Giá theo quyết định số 780/QĐ-UB (NC) ngày 30/3/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang, thời hạn 09 tháng, đã chấp hành xong. Bị cáo được tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1971 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Bà Phan Thị X, sinh năm 1972 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Người làm chứng: Anh Phan Minh C (H), sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt N sau:

Vào khoảng 10 giờ , ngày 11 tháng 6 năm 2020, ông Nguyễn Văn T và vợ là bà Phan Thị X xảy ra mâu thuẫn, nên ông T dùng tay đánh bà X một bạt tay. Bà X đi nhờ người để nói chuyện với ông T, sau khi kiếm qua nhiều người thân thì không ai đến vì bận công việc, lúc này bà X nghĩ đến cháu ruột là bị cáo H, nên bà X đến nhà bị cáo H nhờ bị cáo H đến nhà bà X nói chuyện với ông T, để ông T không đánh bà X nữa thì H nhận lời.

Một lát sau, bị can H đến nhà ông T thì hai bên cự cãi và đánh nhau bằng tay. Sau đó, ông T đuổi bị cáo H ra khỏi nhà. Bị cáo H ra ngoài sân cầm khúc cây đi vào nhà, lúc này ông T đang cầm con dao thái lan. Khi thấy ông T cầm dao thái lan thì anh C (H) ngăn ông T lại, bị cáo H giật dao rồi bẻ gãy. Ông T tiếp tục cầm cái búa định đánh bị cáo H thì bị C ôm lại, bị cáo H giật búa ném xuống sân và dùng tay phải cầm khúc cây đánh nhiều cái từ trên xuống, ông T dùng tay đỡ nên bị tH2 tích và nằm xuống hành lang nhà thì bị cáo H bỏ về.

Quá trình điều tra bị can H thành khẩn khai báo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị can đã bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 5.000.000 đồng, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị can.

Căn cứ Bản kết luận giám định số: 301/2020/TgT ngày 21 tháng 07 năm 2020 của Trung tâm pháp y tỉnh Tiền Giang kết luận bị hại Nguyễn Văn T bị các vết tH2 N sau:

- Gãy kín 1/3 giữa xương trụ trái. Tỷ lệ: 09 % (Chín phần trăm).
- Xây xát da hạ sườn phải gây rối loạn sắc tố da. Tỷ lệ: 01 % (Một phần trăm).
- Sẹo mổ 1/3 giữa dưới sau trong cẳng tay trái. Tỷ lệ: 02 % (Hai phần trăm).
- Sẹo vết tH2 ngón V mặt ngoài đốt I tay trái. Tỷ lệ: 01 % (Một phần trăm).

Tổng tỷ lệ tổn tH2 cơ thể do tH2 tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Nguyễn Văn T là: 13% (Mười ba phần trăm). TH2 tích do vật tầy có cạnh gây nên.

Trong quá trình điều tra xác định vết tH2 xây xát da hạ sườn phải tỷ lệ 01 % (Một phần trăm) không phải do bị cáo H gây ra.

Tại phiên tòa:

Bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình là đúng theo nội dung bản cáo trạng mà đại diện Viện kiểm sát đã công bố. Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đúng tội không oan, sai. Bị cáo thừa nhận hành vi đánh ông T là bộc

phát, chứ bà X không có kêu bị cáo vô nhà đánh ông T, bà T kêu bị cáo vô nhà để nói chuyện với ông T để ông T đừng đánh bà X nữa.

Bị hại ông Nguyễn Văn T trình bày: Thống nhất với Bản kết luận giám định số 301/2020/TgT ngày 21 tháng 07 năm 2020 của Trung tâm pháp y tỉnh Tiền Giang, Cáo trạng và đề nghị của Viện Kiểm sát. Thống nhất ông T có đi điều trị với chi phí là 5.000.000 đồng, Nng bà X là vợ ông đã trả toàn bộ tiền viện phí cho ông, nên việc bị cáo có bồi thường cho ông thì bà X là người trực tiếp nhận, ông không có ý kiến và không yêu cầu bồi thường thêm gì. Ông xin bãi nại, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Ngoài ra, ông còn trình bày anh C là người ôm ông lại để cho bị cáo có cơ hội đánh ông, ông không có yêu cầu gì Nng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị X: Bà có nhận 5.000.000 đồng tiền bị cáo bồi thường chi phí thuốc men cho ông T. Bà chỉ nhờ bị cáo vô nhà nói chuyện, khuyên ngăn ông T vì hai người là dượng cháu, tình cảm cũng rất tốt, Nng không ngờ lại xảy ra việc ngày hôm nay, bà không có thuê bị cáo để đánh ông T. Ngoài ra, bà không trình bày gì khác.

Bản cáo trạng số 13/CT-VKS ngày 08/02/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây đã truy tố bị cáo Phan Thành H về tội *"Cố ý gây tH2 tích"* theo quy định tại khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây trong phần tranh luận giữ nguyên quan điểm N cáo trạng, truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản đã nêu trên, đồng thời đưa ra những chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phan Thành H phạm tội *"Cố ý gây tH2 tích"*.

Áp dụng khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Khoản 1 Điều 54, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phan Thành H từ 06 năm đến 09 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) đoạn gỗ dài 94cm, có 02 cạnh, mỗi cạnh dài lần lượt là 3,5cm và 2,5cm. Trên bề mặt của đoạn gỗ có nhiều vết thủng, trên vết thủng có T kim loại (đinh sắt).

- 01 (một) đoạn gỗ dài 90cm, có 02 cạnh, mỗi cạnh dài lần lượt là 3,5cm và 03 cm. Đoạn gỗ có một đầu bị tét, xước mất 01 phần gỗ và trên bề mặt của đoạn gỗ có nhiều vết thủng, trên vết thủng có T kim loại (đinh sắt).

Về trách nhiệm dân sự: Đã bồi thường xong.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vấn đề khác của vụ án: Ông T yêu cầu xem xét hành vi của anh C theo qui định của pháp luật. Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn

biến tại phiên tòa, không có căn cứ để xử lý hình sự về hành vi đồng phạm của anh C trong vụ án này.

Bị cáo không tham gia tranh luận, bị cáo nói lời nói sau cùng, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ mức án.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định N sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện Gò Công Tây, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc kH nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tố tụng: Người làm chứng là anh Phan Minh C vắng mặt, không có lý do. Tuy nhiên, người làm chứng nêu trên có lời khai tại Cơ quan điều tra, việc vắng mặt họ tại phiên tòa không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt người làm chứng nêu trên là phù hợp với Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội: Ông T có hành vi đánh bà X do hai bên xảy ra mâu thuẫn cá nhân trong gia đình với nhau. Do đó, bà X có nhờ bị cáo H đến nhà để nói chuyện, khuyên can ông T, Nng khi đến thì giữa bị cáo và ông T lại xảy ra cự cãi, do không kiềm chế được tính nóng nảy của bản thân, hơn nữa ông T cũng dùng dao, dùng búa có ý định đánh nhau với bị cáo, anh C là hàng xóm thấy sự việc nên đã qua can ngăn, ôm ông T lại thì bị cáo giật dao, giật búa và dùng cây đánh ông T, ông T dùng tay đỡ, hậu quả làm ông T bị tổn tH2 cơ thể do tH2 tích gây nên là 12%.

Xét thấy lời khai nhận tội này phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. N vậy, đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Cố ý gây tH2 tích" theo khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự.

[4] Hành vi của bị cáo thể hiện thái độ xem thường pháp luật và nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của ông T mà còn ảnh hưởng đến tình hình trật tự an toàn xã hội ở địa pH2. Thấy rằng, cần phải có hình phạt tương xứng với hành vi của bị cáo nhằm để giáo dục cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[5] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Bị cáo không có tiền án, tiền sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại, thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải. Bị hại có đơn xin bãi nại. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự được xem xét khi quyết định hình phạt đối

với bị cáo. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tuy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ Nng vào ngày 12/4/2012, bị cáo bị áp dụng đưa vào cơ sở giáo dục Bến giá theo quyết định số 780/QĐ-UB (NC) ngày 30/3/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang, thời hạn 09 tháng, mặc dù đã chấp hành xong và bị cáo đã được xóa tiền sự đã quá 6 tháng Nng lần phạm tội này bị cáo phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng nên Hội đồng xét xử không xem xét cho bị cáo được hưởng án treo. Ngoài ra, trong vụ án này cũng có một phần lỗi của bị hại đã có hành động cầm dao, búa nhằm để đánh nhau với bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử chỉ xem xét dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự cho bị cáo hưởng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà Viện kiểm sát đã truy tố.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Đã bồi thường xong nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) đoạn gỗ dài 94cm, có 02 cạnh, mỗi cạnh dài lần lượt là 3,5cm và 2,5cm. Trên bề mặt của đoạn gỗ có nhiều vết thủng, trên vết thủng có T kim loại (đinh sắt).

- 01 (một) đoạn gỗ dài 90cm, có 02 cạnh, mỗi cạnh dài lần lượt là 3,5cm và 03 cm. Đoạn gỗ có một đầu bị tét, xước mất 01 phần gỗ và trên bề mặt của đoạn gỗ có nhiều vết thủng, trên vết thủng có T kim loại (đinh sắt).

[8] Vấn đề khác của vụ án: Ông T có trình bày về hành vi của anh C. Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để xử lý hình sự về hành vi đồng phạm của anh C trong vụ án này. Do đó, Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Gò Công Tây không khởi tố anh C về hành vi "Cố ý gây tH2 tích" với vai trò đồng phạm là phù hợp.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tại phiên tòa đối với tội danh, điều luật áp dụng, mức án là phù hợp.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38; Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; các điều 106, 329, 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

1. Tuyên bố bị cáo Phan Thành H (Không có tên gọi khác) phạm tội *"Cố ý gây tH2 tích"*.

Xử phạt bị cáo Phan Thành H 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Về xử lý vật chứng:

Tuyên xử: Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) đoạn gỗ dài 94cm, có 02 cạnh, mỗi cạnh dài lần lượt là 3,5cm và 2,5cm. Trên bề mặt của đoạn gỗ có nhiều vết thủng, trên vết thủng có T kim loại (đinh sắt).

- 01 (một) đoạn gỗ dài 90cm, có 02 cạnh, mỗi cạnh dài lần lượt là 3,5cm và 03 cm. Đoạn gỗ có một đầu bị tét, xước mất 01 phần gỗ và trên bề mặt của đoạn gỗ có nhiều vết thủng, trên vết thủng có T kim loại (đinh sắt).

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 09/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây).

3. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo đối với Bản án: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo H, ông T, bà X có quyền kháng cáo Bản án này đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Cơ quan CSĐT, Cơ quan THA hình sự CA huyện Gò Công Tây;
- Nhà tạm giữ CA huyện Gò Công Tây (hoặc nơi giam giữ bị cáo);
- Chi cục THADS huyện Gò Công Tây;
- UBND xã (nơi bị cáo cư trú);
- Người bào chữa (nếu có);
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Bộ phận THA phạt tù;
- Hồ sơ vụ án, Lưu AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Kiều Oanh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mỹ Hoa - Trần Công CH **Phan Thị Kiều Oanh**

Về vật chứng do ông T giao nộp:

- 01 (một) đoạn gỗ dài 94cm, có 02 cạnh, mỗi cạnh dài lần lượt là 3,5cm và 2,5cm. Trên bề mặt của đoạn gỗ có nhiều vết thủng, trên vết thủng có T kim loại (đinh sắt).

- 01 (một) đoạn gỗ dài 90cm, có 02 cạnh, mỗi cạnh dài lần lượt là 3,5cm và 03 cm. Đoạn gỗ có một đầu bị tét, xước mất 01 phần gỗ và trên bề mặt của đoạn gỗ có nhiều vết thủng, trên vết thủng có T kim loại (đinh sắt).

(Bút lục: 08, 33)

Ngày 17 tháng 8 năm 2020 tiến hành cho bị can H nhận dạng hung khí. Bị can H xác nhận hung khi do ông T giao nộp chính là hung khí bị can đã dùng để gây tH2 tích cho ông T.

(Bút lục: 39-45)

Về trách nhiệm dân sự: đã giải quyết xong, gia đình bị hại không có yêu cầu gì.

(Bút lục: 67)

Căn cứ vào các tình tiết và chứng cứ nêu trên.